TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2023/HSST
Ngày 18/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H2ỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

Thphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Hưng;

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị An – Chủ tịch hội phụ nữ huện; Bà Lê Thị Xuân – Giáo viên nghỉ hưu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lụa -Thư ký TAND H2ện Tiên Du;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 18 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 05/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 15/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Trần Văn T1, sinh năm 1999. Giới tính; Nam

HKTT: Khu Ng, phường Ph, Thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Không xác định Đ; Mẹ đẻ: Trần Thị H, sinh năm 1962; Bị cáo là con D nhất; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

+ Ngày 25/4/2015, Công an phường Phong Khê, Thphố Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức "cảnh cáo" về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 26/4/2015, Công an phường Phong Khê, Thphố Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức "cảnh cáo" về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 12/5/2015, Công an phường Phong Khê, Thphố Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức "cảnh cáo" về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 12/6/2015, Chủ tịch UBND phường Phong Khê, Thphố Bắc Ninh Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thời hạn 03 tháng.

+ Tại bản án số 155/2017/HSST ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân Thphố Bắc Ninh xử phạt 06 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Lò Văn H, sinh ngày 12/4/2006 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản M (nay là bản B), xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc

tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lèo Văn Y sinh năm: 1986; Mẹ đẻ: Lò Thị Th, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

+ Ngày 30/8/2023, Cơ quan điều tra Công an H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 10/6/2023 đến ngày 24/8/2023. Ngày 30/8/2023 bị cáo bị tạm giam theo lệnh tạm giam của Công an H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến nay. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Lò Văn L, sinh năm 2001 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản M (nay là bản B), xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La ; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn Thơm sinh năm: 1976; Mẹ đẻ: Lò Thị Muôn sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Lò Công T, sinh ngày 15/9/2005 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản Ph, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn Ươm sinh năm: 1976; Mẹ đẻ: Lò Thị D sinh năm 1981; Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Lò Văn Th, sinh ngày 06/7/2006 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản B, xã H , Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn D sinh năm: 1982; Mẹ đẻ: Lường Thị Ho sinh năm 1985; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: Lò Quang Đ, sinh ngày 13/5/2007 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản N, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn L sinh năm: 1974; Mẹ đẻ: Lò Thị Ph sinh năm 1984; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt tại phiên tòa)

7. Họ và tên: Lò Văn T1, sinh ngày 11/01/2004 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản H, xã Ch, H2ện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn V, sinh năm: 1980; Mẹ đẻ: Lường Thị C, sinh năm 1983; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa)

8. Họ và tên: Lò Văn H1 , sinh ngày 13/5/2007 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản N, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lò Văn T sinh năm: 1970; Mẹ đẻ: Tòng Thị T1 sinh năm 1985; Gia đình có 03 chị em, bị can là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt tại phiên tòa)

9. Họ và tên: Đèo Đức H2, sinh ngày 25/11/2006 Giới Tính: Nam

HKTT: Bản Ph, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Đèo Văn C sinh năm: 1984; Mẹ đẻ: Lò Thị U sinh năm 1986; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đ áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (có mặt tại phiên tòa)

10. Họ tên: Nguyễn Thụ Hg , sinh năm 1984. Giới tính; Nam

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, Huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Nguyễn Thụ T, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; có 03 con: Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012 .

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2023 đến ngày 26/6/2023. áp dụng biện pháp "Bảo lãnh". (có mặt tại phiên tòa).

- Người giám hộ cho bị cáo Lò Văn H là ông Lèo Văn Y (có mặt); Người giám hộ cho bị cáo Lò Công Th là bà Lò Thị D (có mặt); Người giám hộ cho bị cáo Lò Văn Th là bà Lường Thị Ho (mẹ đẻ) và ông Trần Văn D (bí thư Đoàn thanh niên) (có mặt); Người giám hộ cho bị cáo Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , là ông Lò Văn Tin và ông Lò Văn L (có mặt); Người giám hộ cho bị cáo Đèo Đức H2 là ông Đèo Văn C (có mặt);

- Người bào chữa cho các bị cáo: Lò Văn T1, Lò Văn H, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 - Ông Hoàng Nhật H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh. (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Nhất, Đèo Đức H2 - Bà Nguyễn Phương Th – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị hại:

1/ Công Ty cổ phần cầu 1, T; Địa chỉ: Số 89, phố T, phường Th, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội - Đại diện theo pháp luật – Ông Nguyễn Kỳ H – Tổng giám đốc - Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc D, sinh năm 1957, nhân viên bảo vệ đội cầu 8. (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; HKTT Thôn Đ, xã T, Huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt).

3/Anh Ngô Văn N, sinh năm 1962; HKTT Thôn Đ, xã Tr, Huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lường Thị Ch, sinh năm 1983; HKTT: Bản H, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La. (có mặt).

2/ Anh Lò Văn T, sinh năm 1970; HKTT: Bản M, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La. (có mặt).

3/ Chị Lò Thị D, sinh năm 1981; HKTT: Bản P, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La. (có mặt).

4/ Anh Lò Văn Ng, sinh năm 1985; HKTT: Bản M, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La. (vắng mặt).

5/ Lò Văn Ng, sinh năm 1998; HKTT: Bản M, xã Ch, Huyện S, tỉnh Sơn La. (vắng mặt).

6/ Chị Trần Thị H, sinh năm 1962; HKTT: Khu Ng, phường Ph, Thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Tiên Du nhận Đ đơn của ông Đoàn Ngọc D, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú (HKTT) ở thôn Nam Phong, xã Đồng Sơn, H2ện Nam Trực, tỉnh Nam Định hiện đang là nhân viên bảo vệ (Đ giao nhiệm vụ trông coi, quản lý tài sản) tại công trình xây dựng cầu bắc qua sông của Tổng công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long thuộc địa phận thôn Ân Phú, xã Phú L, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trình báo về việc: khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05/6/2023, ông Dương phát hiện kẻ gian lợi dụng sơ hở trộm cắp tại khu để vật liệu xây dựng của công trình 02 thanh cọc cừ larsen bằng thép có trọng lượng khoảng 600kg. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm khoảng 12.000.000 đồng.

Ngày 20/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Tiên Du nhận được đơn của ông Ngô Văn Nhi, sinh năm 1962 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998 đều có HKTT ở thôn Đông Mai, xã Trung Nghĩa, Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về việc gia đình bị mất 01 xe cải tiến dựng ở vỉa hè trước cửa nhà trị giá 4.750.000đ và 01 lưỡi cày bằng kim loại loại 03 đĩa trị giá 5.000.000đ

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ được như sau:

Buổi tối ngày 04/6/2023, Lò Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Citi, màu nâu, BKS 98F6-7038; Lò Văn H1 sinh ngày 13/5/2007 điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS:26B1-860.94 và Lò Công T, điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen bạc dán đề can màu hồng BKS: 26C1-263.28 sang khu trọ ở khu Ngô Khê, phường Phong Khê, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh của nhà Trần Văn T để chơi với Lò Quang Đ, Đèo Đức H2, Lò Văn L, Lò Văn H và Lò Văn Th. Tại đây, Trần Trủ Lò T1, H, H1 , Đ, T, H2, Th và L đi trộm cắp tài sản, do không có việc làm, cần tiền chi tiêu cá nhân nên tất cả đồng ý. Khoảng hơn 00 giờ ngày

05/6/2023, Trần T điều khiển xe mô tô BKS:26C1-177.92 chở H và Th; Th điều khiển xe mô tô BKS: 26C1-263.28 chở L; Lò T điều khiển xe mô tô BKS 98F6-7038 chở Đ; H2 điều khiển xe mô tô BKS:26B1-860.94 chở H1 đi theo đường từ Ngô Khê (bờ đê) đến cửa hàng thu mua phế liệu ở thôn Đông Y, xã Đông Phong, H2ện Y Phong, tỉnh Bắc Ninh do Nguyễn Thụ Hg, sinh năm 1984 làm chủ, Trần Tvào hỏi mượn Hg 02 chiếc xe cải tiến, Trần Tnói với Hg mượn xe cải tiến đi có việc. Do thường xuyên cho người lao động mượn xe cải tiến nên Hg không có hỏi lại và đồng ý cho Trần Tmượn. Trần Tvà Thmỗi người kéo một xe cải tiến ra rồi Thđiều khiển xe mô tô BKS: 26C1-263.28 chở L ngồi sau kéo theo 01 xe cải tiến, Trần T điều khiển xe mô tô BKS:26C1-177.92 chở Th đằng sau kéo theo 01 xe cải tiến. H2 điều khiển xe mô tô BKS:26B1-860.94 chở H và H1 ; Lò T điều khiển xe mô tô BKS 98F6-7038 chở Đ. Tất cả điều khiển xe đi dọc theo đường đê thuộc địa bàn Huyện Yên Phong mục đích xem có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp mang lên xe cải tiến và khi đến khu dân cư thuộc địa phận thôn Đông Mai, xã Trung Nghĩa, H2ện Y Phong thì phát hiện 01 lưỡi cày bằng kim loại (loại 03 đĩa) của ông Nhi đang để ở rìa đường không có ai trông coi, quản lý nên đã trộm cắp chiếc lưỡi cày này để lên thùng xe cải tiến rồi đi tiếp về hướng đê Trung Nghĩa khoảng 100m thì phát hiện và trộm cắp thêm Đ 01 xe cải tiến của anh Cường dựng tại lề đường phía trước cửa nhà anh Cường. Sau đó, nhóm Trần T kéo chiếc xe cải tiến và chiếc lưỡi cày vừa trộm cắp Đ về cửa hàng thu mua phế liệu của Hg lúc đó vào khoảng hơn 1 giờ sáng. Tại nhà Hg, Trần hỏi Hg "Anh có mua cái này không", Hg không hỏi và Trần T cũng không nói về nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có do Hg thấy tài sản đã cũ kéo cùng xe cải tiến đến nên Hg nghĩ là tài sản của nhóm Trần T mang từ nhà đến nên đã đồng ý mua. Hg đưa cho Trần Tsố tiền 1.550.000 đồng. Sau khi bán Đ số tài sản trên, nhóm Trần Ttiếp tục đi sang đê thuộc khu vực Phú L, mục đích tìm tài sản để sơ hở rồi trộm cắp. Khi cả nhóm điều khiển xe đi đến khu vực công trường đang thi công cầu bắc qua sông của Tổng công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long thuộc địa phận thôn Ân Phú, xã Phú L, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh phát hiện thấy ở khu vực để vật liệu xây dựng ở bờ đê có để nhiều sắt, thép nên đã dựng xe mô tô ở ngoài sườn đê cách công trình xây dựng khoảng 30m và để 01 xe cải tiến lại ở mặt đê, cho H2 đứng ở mặt đê cảnh giới còn Đ, T, Th, H, H1 , L kéo xe cải tiến, Văn T và Trần T đi xuống bờ đê nơi để vật liệu xây dựng thì thấy có 04 cột sắt hình chữ "U" (thanh cọc cừ Larsen) dài khoảng 4m. Đ, T, Th, H, H1 , L, Lò T và Trần T cùng khênh 01 thanh sắt để lên xe cải tiến sau đó L kéo xe cải tiến còn Đ, T, Th, H, H1 , Lò Tvà Trần Tđẩy xe lên trên mặt đê ra chỗ H2 đang đợi. Sau đó, Trần Tlái xe chở L kéo theo xe cả tiến có thanh cọc cừ larsen vừa trộm cắp Đ, H điều khiển xe chở Th; Lò Tđiều khiển xe chở Đ và T, H2 điều khiển xe chở H1 cùng quay về nhà Hg để bán thanh cọc cừ larsen vừa trộm cắp Đ. Đến nhà Hg lúc đó vào khoảng hơn 02 giờ cùng ngày, cả nhóm để một xe cải tiến ở bên ngoài rồi kéo 01 xe cải tiến có thanh cọc cừ Larsen vào trong nhà Hg mục đích để bán thanh Larsen trên và trả luôn 01 xe cải tiến. Trần T là người trao đổi với Hg, khi bán Trần T cũng không nói gì về nguồn gốc của thanh cọc cừ larsen trên do Hg thấy thanh cọc cừ larsen đó dài, còn nguY vẹn lại bán vào ban đêm nên nhận thức Đ đây không phải tài sản của nhóm Trần T mà là tài sản do trộm cắp mà có nH muốn mua với giá rẻ nên vẫn đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xong thanh Larsen, cả nhóm tiếp tục kéo theo chiếc

xe cải tiến còn lại quay lại công trình xây dựng mục đích để tiếp tục trộm cắp thêm 01 thanh cọc cừ larsen. Trần T là người điều khiển xe chở L ngồi sau kéo theo xe cải tiến, Th điều khiển xe chở H, Lò Tchở Đ và T, H2 chở H1 . Khi đến nơi thì vẫn để các xe mô tô trên ở trên đê và H2 vẫn đứng cảnh giới còn Đ, T, Th, H, H1 , L, Lò T và Trần T đi xuống bê 01 thanh cọc lên xe cả tiến kéo ra ngoài. Lúc này, ông D là bảo vệ của công ty nghe thấy tiếng động nên dậy thì phát hiện thấy nhóm Trần T đang có hành vi trộm cắp nên hô hoán và gọi anh Phạm Thanh Tùng, sinh năm 1985 ở Xóm 3, xã Xuân Châu, Huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định là tổ trưởng kỹ thuật ở bờ sông bên kia nhưng anh Tùng không nghe Đ. Ông Dương khai khi ra chỗ xe cải tiến thấy có cọc ván thép dài khoảng 4m của Công ty để trên xe cải tiến. Ông Dương giữ xe lại thì bị 01 thanh niên dùng chân đạp vào đùi ông Dương và dùng tay đẩm gạt vào ngực ông Dương và nói "Thằng già này bỏ ra" do sợ ông Dương liền bỏ ra bị ngã xuống đất và kéo xe bỏ đi. Tuy nhiên, Trần T1, L, H, T, Đ, Lò T1, H2, Th đều khai nhận ông Dương phát hiện thì cách xe cải tiến chở cọc thép và cách các bị can 20m nên không có ai đánh, quát ông Dương. Nhóm Trần T tiếp tục kéo xe cải tiến trên có thanh cọc cừ Larsen quay lại chỗ H2 đang đứng đợi sau đó, cả nhóm quay lại cửa hàng của Hg lúc này khoảng hơn 3 giờ sáng, tiếp tục bán thanh Larsen trên Đ 2.000.000 đồng và trả lại Hg chiếc xe cải tiến. Lần này, Hg cũng đoán tài sản là do trộm cắp mà có do ham rẻ nên Hg vẫn mua.

(Tổng số tiền, các bị cáo bán tài sản trộm cắp Đ là 5.550.000đồng, Trần T chia cho Đ, T, Th, H, H1 , L, H2, Văn T và Trần Tmỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại 1.050.000đ các đối tượng cùng nhau chi tiêu cá nhân hết)

{Tại bản kết luận định giá tài sản số: 50 ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự H2ện Tiên Du kết luận: 02 thanh cọc cừ Larsen 4 có kích thước mỗi thanh (448 x 30 x 0,8) cm có tổng trọng lượng 530 kg, thép nhập khẩu tại Nga. Tài sản đã qua sử dụng. Tài sản đã thu hồi Đ. Giá trị còn lại là 10.600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 60 ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự H2ện Tiên Du kết luận: 01 chiếc xe cải tiến có kích thước thùng xe (1,6 x 1,2 x 0,85)m nặng khoảng 150 kg, xe Đ gia công khung bằng thép U, V; 02 bánh xe làm bằng bánh xe máy. Tài sản đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại là 4.500.000đ; 01 chiếc lưỡi cày đĩa (loại 03 đĩa), bề ngang 0,8m, dài 1m đường kính mỗi đĩa 0,6m; trọng lượng 180 kg, sản xuất tại Việt Nam. Tài sản đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại là: 5.100.000đ}. Tổng giá trị là **20.200.000đ**.

Ngày 24/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Tiên Du có công văn đề nghị phối hợp điều tra về nội D 09 bị cáo còn khai nhận có hành vi trộm cắp tài sản thôn Đông Mai, xã Trung Nghĩa, H2ện Y Phong, tỉnh Bắc Ninh gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an H2ện Y Phong. Ngày 25/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Yên Phong đã có công văn trả lời số 1182 với nội D căn cứ khoản 4 Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an H2ện Tiên Du là nơi phát hiện tội phạm.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Ngày 10/6/2023, Hg đã giao nộp 02 thanh cọc cừ Larsen 4 bằng thép có tổng trọng lượng 530kg; mỗi thanh có cùng kích thước: dài 4,48m, rộng 0,3m, cao

0,19m, dày 0,008m; Ngày 05/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 thanh cọc cừ Larsen 4 bằng thép bằng thép trên cho ông Dương.

- Đối với 01 chiếc lưỡi cày loại 03 đĩa, 01 chiếc xe cải tiến mà các bị can trộm cắp Đ và 02 chiếc xe cải tiến Hg cho nhóm bị can còn lại mượn làm phương tiện gây án, quá trình điều tra Hg khai nhận đã đem tất cả những tài sản kể trên cho vào lò nấu phế liệu để lấy kim loại nên đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi Đ.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn Tgiao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Citi, màu nâu, BKS 98F6-7038, số khung: 652787, số máy 1691318, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Lường Thị C, sinh năm 1983 có HKTT ở Bản Huổi Pó, xã Chiềng Khoong (mẹ đẻ của T1). Chị C không biết T lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị C chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn H giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade, màu trắng đen, BKS 26C1-177.92, số khung: JA36E0619712, số máy: RLHJA364XGY119960, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn T, sinh năm 1970 có HKTT ở Bản Nà Cần II, xã Chiềng Sơ (là bố đẻ của H). Anh T không biết việc H lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tin chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Công Thgiao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, dán đề can màu hồng, BKS 26C1-263.28, số khung: RLHJA3921MY442249, số máy JA39E2467437, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị D, sinh năm 1981 có HKTT ở Bản Phiêng Xa, xã Chiềng Sơ (là mẹ đẻ của T). Chị D không biết Tlấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn H1 giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS 26B1-860.94, số khung: RLHHC1215DY150716, số máy HC12E5150750, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn N, sinh năm 1995 có HKTT ở Bản Mường Bon, xã Chiềng Sơ (là cậu của H1). Anh Ngoan không biết việc H1 lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ng chiếc xe trên là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 12/8/2023, Lò Công Th và Đèo Đức H2 đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Ngày 12/8/2023, anh Lò Văn Ng, sinh năm 1998 ở Bản Mường Bon, xã Chiềng Sơ là anh trai của L tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho L. Anh Ng không yêu cầu L phải trả lại số tiền trên cho anh.

- Ngày 12/8/2023, chị Ch đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Lò T1. Chị Ch không yêu cầu Lò Tphải trả lại số tiền trên cho chị.

- Ngày 13/9/2023, bà Trần Thị H, sinh năm 1962 ở khu Ngô Khê, phường Phong Khê là mẹ của Trần Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho T1. Bà H không yêu cầu Tphải trả lại số tiền trên cho bà.

- Ngày 29/9/2023, Hg đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.750.000đ, trong đó có 1.550.000đồng là tiền Hg mua lưỡi cầy và xe cải tiến do đã nấu sắt vụn không thu hồi Đ, Hg không có yêu cầu gì và 200.000đồng tiền án phí.

- Ông N và anh C yêu cầu nhóm Trần Tphải bồi thường giá trị tài sản bằng giá trị của Hội đồng định giá.

- Ông D đại diện cho Công ty Cầu 1 Thăng Long đã nhận lại tài sản là 02 thanh cọc Larsen và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 144/ CT — VKS - TD ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân H2ện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thụ Hg về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sau khi đánh giá, phân tích tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện Tiên Du đề nghị Hội đồng xét xử tuY bố các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thụ Hg về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Về áp dụng điều luật:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o, khoản 1, Điều 52; Điều 17; 58 BLHS.

* Xử phạt Trần Văn Ttừ 24 đến 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2023.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17; 58 BLHS.

* Xử phạt các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn Tmỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2023.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; 17; 58; Điều 90, 91, 98,101 BLHS

* Xử phạt các bị cáo Lò Công T; Lò Quang Đ mỗi bị cáo từ 12 đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; 17; 58; Điều 90, 91, 98,101 BLHS

* Xử phạt các bị cáo Lò Văn Th; Lò Văn H mỗi bị cáo từ 12 đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; 17; 58; Điều 90, 91, 98,101 BLHS

* Xử phạt các bị cáo Lò Văn H1 ; Đèo Đức H2 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, Điều 323; Điều 65; điểm s, t, i, khoản 1, khoản 2 Điều 51; BLHS.

* Xử phạt Nguyễn Thụ Hg từ 10 đến 12 tháng tù, nH cho Hg án treo, thời gian thử thách là từ 20 đến 24 tháng. Giao bị cáo Hg cho UBND xã Đông Phong H2ện

Y Phong, tỉnh Bắc Ninh quản lý giáo dục trong thời gian Đ Hg án treo và thử thách.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Buộc 09 bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại là anh C số tiền 4.500.000đồng và ông Nh số tiền 5.100.000đồng. Tổng số tiền là 9.600.000đồng. Xác nhận các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn T1, Lò Công T, Đèo Đức H2, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , Lò Văn L đã nộp Đ khoản tiền 7.490.000đồng để bồi thường cho bị hại là ông Nh và anh C. Số tiền còn lại là 2.110.000đồng bị cáo Lò Văn Th và bị cáo Lò Văn H chưa bồi thường cho bị hại vì vậy cần buộc bị cáo H và Thấp mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nhi và anh Cường là 1.050.000đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.550.000đồng bị cáo Hg tự nguyện nộp.

Tạm giữ số tiền 8.090.000đồng các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn T1, Lò Công T, Đèo Đức H2, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , Lò Văn L, Nguyễn Thụ Hg đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến gì về Tội danh, chỉ đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào điều 91 BLHS và chương người dưới 18 tuổi phạm tội đề nghị cho các bị cáo H1 , Đ, T, H2 Đ Hg án treo và của các bị cáo cũng xin Đ Hg án treo, Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin cho các bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu đã đ- ợc thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ chứng cứ chứng minh, khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05/6/2023, lợi dụng sơ hở các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 đã trộm cắp tại khu để vật liệu xây dựng của công trình Tổng công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long thuộc địa phận thôn Ân Phú, xã Phú L, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh 02 thanh cọc cừ larsen bằng thép có giá trị tài sản còn lại là 10.600.000đồng. Và của ông Ngô Văn Nh, sinh năm 1962, 01 lưỡi cày bằng kim loại loại 03 đĩa để trên đê có trị giá 5.100.000đ; 01 xe cải tiến dựng ở vỉa hè trước cửa nhà trị giá 4.500.000đ của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Hành vi lén lút của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu Thtội*"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Nguyễn Thụ Hg, biết các bị cáo đi trộm cắp tài sản đem đến bán cho bị cáo kể từ khi các bị cáo bán 02 thanh sát, nH vì hám lời mua rẻ, nên đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo các điều luật trên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy cần phải xét xử kịp thời để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành ng- ời có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Xét về tính chất của vụ án, vai trò và nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này đối với hành vi trộm cắp của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhau. Song bị cáo Trần Văn Tlà kẻ chủ mưu, rủ rê, cũng là người thực hiện hành vi tích cực, là người xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu. 9 bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Song tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Thkhẩn khai báo, ăn năn hối cải, 7 bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ ở điểm s, b khoản 1, Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn H chưa bồi thường để khắc phục hậu quả nên Đ áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS.

Người bị hại xin cho các bị cáo, các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 đều là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2, Điều 51 BLHS.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng tại điểm g, o, khoản 1, Điều 52 BLHS. Còn lại các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS.

Bị cáo Hg trong thời gian đợi xét xử đã phối hợp với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và có bố Đ nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Thkhẩn khai báo ăn năn hối cải. Nên bị cáo Đ Hg các tình tiết giảm nhẹ ở điểm s, t, i, khoản 1, 2, Điều 51; BLHS.

Các bị cáo Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Đến ngày xét xử bị cáo Đ và bị cáo H1 mới 16 tuổi 06 tháng, bị cáo Th và bị cáo H2 mới 17 tuổi 04 tháng, bị cáo Thđang còn đi học. Các bị cáo có nơi cư trú rõ rang.

Đối với bị cáo Lò Văn H khi phạm tội và xét xử chưa đủ 18 tuổi, sau khi phạm tội Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 30/8/2023 bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về hành vi Tàng trữ trái pháp chất ma túy và có Lệnh tạm giam bị cáo cùng ngày và bị Tòa án nhân dân H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử ngày 07/11/2023 với mức án 16 tháng tù.

Do vậy xét thấy cần phải cách ly các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Văn Tra khỏi đời sống xã hội để các bị cáo cải tạo Thngười có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ rang. Căn cứ vào chương XII quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đối với Nguyễn Thụ Hg, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 của Điều 51BLHS, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội để các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo Thngười tốt có ích cho xã hội.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Ngày 10/6/2023, Hg đã giao nộp 02 thanh cọc cừ Larsen 4 bằng thép có tổng trọng lượng 530kg; mỗi thanh có cùng kích thước: dài 4,48m, rộng 0,3m, cao 0,19m, dày 0,008m; Ngày 05/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 thanh cọc cừ Larsen 4 bằng thép bằng thép trên cho ông Dương.

- Đối với 01 chiếc lưỡi cày loại 03 đĩa, 01 chiếc xe cải tiến mà các bị can trộm cắp Đ và 02 chiếc xe cải tiến Hg cho nhóm bị can còn lại mượn làm phương tiện gây án, quá trình điều tra Hg khai nhận đã đem tất cả những tài sản kể trên cho vào lò nấu phế liệu để lấy kim loại nên đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi Đ.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn Tgiao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Citi, màu nâu, BKS 98F6-7038, số khung: 652787, số máy 1691318, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Lường Thị C, sinh năm 1983 có HKTT ở Bản Huổi Pó, xã Chiềng Khoong (mẹ đẻ của T1). Chị C không biết Tlấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Ch chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn H giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade, màu trắng đen, BKS 26C1-177.92, số khung: JA36E0619712, số máy: RLHJA364XGY119960, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn T, sinh năm 1970 có HKTT ở Bản Nà Cần II, xã Chiềng Sơ (là bố đẻ của H). Anh T không biết việc H lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Công Th giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, dán đề can màu hồng, BKS 26C1-263.28, số khung: RLHJA3921MY442249, số máy JA39E2467437, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị D, sinh năm 1981 có HKTT ở Bản Phiêng Xa, xã Chiềng Sơ (là mẹ đẻ của T). Chị D không biết T lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 10/6/2023, Lò Văn H1 giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS 26B1-860.94, số khung: RLHHC1215DY150716, số máy HC12E5150750, đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn Ng sinh năm 1995 có HKTT ở Bản Mường Bon, xã Chiềng Sơ (là cậu của H1). Anh Ng không biết việc H1 lấy xe dùng vào việc phạm tội nên ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ng chiếc xe trên là phù hợp.

- Ngày 12/8/2023, Lò Công Thvà Đèo Đức H2 đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả,

- Ngày 12/8/2023, anh Lò Văn Ng, sinh năm 1998 ở Bản Mường Bon, xã Chiềng Sơ là anh trai của L tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho L. Anh Ng không yêu cầu L phải trả lại số tiền trên cho anh.

- Ngày 12/8/2023, chị C đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Lò T1. Chị C không yêu cầu Lò Tphải trả lại số tiền trên cho chị.

- Ngày 13/9/2023, bà Trần Thị H, sinh năm 1962 ở khu Ngô Khê, phường Phong Khê là mẹ của Trần Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 1.070.000 đồng để khắc phục hậu quả cho T1. Bà H không yêu cầu Tphải trả lại số tiền trên cho bà.

- Ngày 17/11/2023 anh Lò Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 1.270.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Lò Văn Đ và tiền án phí. Anh T không yêu cầu Lò Văn Đ trả lại số tiền trên cho anh.

- Ngày 17/11/2023 anh Lò Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 1.270.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Lò Văn H1 và tiền án phí. Anh Tin không yêu cầu Lò Văn H1 trả lại số tiền trên cho anh.

Đối với các khoản tiền các bị cáo tự nộp và tác động đến gia đình các bị cáo nộp để trả lại cho bị hại nên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án. Khoản thừa các bị cáo và gia đình không yêu cầu lấy lại mà cH2ển sang để đóng án phí.

- Ngày 29/9/2023, Hg đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.750.000đ trong đó có 200.000đồng án phí HSST, còn lại là tiền thu lời bất chính, nên cần sung ngân sách nhà nước số tiền 1.550.000đồng).

Về dân sự vụ án:

- Ông D và Tổng công ty cổ phần cầu 1 Thăng Long đã nhận lại tài sản là 02 thanh cọc Larsen và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nh và anh C yêu cầu nhóm Trần T phải bồi thường giá trị tài sản bằng giá trị của Hội đồng định giá. Tuy nhiên, các bị cáo ở giai đoạn điều tra bồi thường chưa đủ nên ông Nh và anh C chưa đồng ý nhận số tiền các bị cáo đã giao nộp, do vậy cần buộc các bị cáo phải lien đới bồi thường cho ông Nh và anh C.

Liên quan trong vụ án

- Theo lời khai của ông Đoàn Ngọc D khi phát hiện nhóm Trần T đang có hành vi trộm thanh cọc cừ larsen cho lên xe cải tiến, ông đã hô hoán và chạy đến kéo xe cải tiến giữ lại thì có thanh niên quát "thằng già này bỏ ra" đồng thời dùng tay đẩy ông D ra, dùng chân đạp 01 phát vào ngực ông D khiến ông D ngã ra đất, sau đó các đối tượng tiếp tục kéo xe cải tiến chở tài sản trộm cắp Đ bỏ chạy. Quá trình điều tra, tiến hành kiểm tra dấu vết thân thể thì ông D không có thương tích gì và cả 09 bị can đều khai nhận thời điểm ông D phát hiện thì đứng cách xa các bị can khoảng 20m và hô hoán, ông D không tiến lại gần để giữ xe cải tiến cũng như không có ai quát hay đấm như lời khai của ông D. Căn cứ những tài liệu, chứng cứ thu thập Đ chưa đủ căn cứ xác định các bị can phải chịu tình tiết định khung "Hành hung để tẩu thoát" quy định tại điểm d khoản 3 Điều 173 hoặc tội "Cướp tài sản" quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự hay xử lý về hành vi gây thương tích cho ông Dương.

- Đối với chị Lường Thị Ch là mẹ đẻ của Lò T1; anh Lò Văn T là bố đẻ của H; chị Lò Thị D là mẹ đẻ của Thvà anh Lò Văn Ng là cậu của H1 là chủ sử dụng của 04 chiếc xe mô tô mà nhóm Trần T dùng vào hành vi phạm tội. Chị C, anh T, chị D và anh Ng không biết việc Lò T1, H, T, H1 dùng 04 chiếc xe mô tô trên vào hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý mà chỉ giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST, Dân sự theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 về tội *"Trộm cắp tài sản."* Bị cáo Nguyễn Thụ Hg về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*."

- Về áp dụng điều luật:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o, khoản 1, Điều 52; Điều 17, 58 BLHS. Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

* Xử phạt Trần Văn T24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2023

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17, 58 BLHS; Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử phạt Lò Văn T16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2023

* Xử phạt Lò Văn L 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2023

Tiếp tục giam các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn T1, Lò Văn L 45 ngày, kể từ ngày tuY án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17, 58; Điều 90, 91,98,101 BLHS; Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

* Xử phạt Lò Văn H 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 65; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17, 58; Điều 90, 91,98,101 BLHS; Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

* Xử phạt Lò Văn Th 14 (Mười bốn) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Tính từ ngày tuY án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 65; điểm s, b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17, 58; Điều 90, 91, 98,101BLHS; Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

* Xử phạt Lò Công Th14 (Mười bốn) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Tính từ ngày tuY án sơ thẩm.

* Xử phạt Lò Quang Đ 12 (Mười hai) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Tính từ ngày tuY án sơ thẩm.

* Xử phạt Lò Văn H1 12 (Mười hai) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Tính từ ngày tuY án sơ thẩm.

* Xử phạt Đèo Đức H2 14 (Mười bốn) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 28 tháng.Tính từ ngày tuY án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1, Điều 323; Điều 65; điểm s, t, i, khoản 1, khoản 2 Điều 51; BLHS; Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử phạt Nguyễn Thụ Hg 14 (Mười bốn) tháng tù cho Hg án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Tính từ ngày tuY án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lò Công T, Lò Quang Đ, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2, cho UBND xã Chiềng Sơ, H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La giáo dục, quản lý các bị cáo trong thời gian Đ Hg án treo và thử thách.

Giao bị cáo Lò Văn Th cho UBND xã H Y, H2ện Sông Mã, tỉnh Sơn La giáo dục, quản lý bị cáo trong thời gian Đ Hg án treo và thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thụ Hg cho UBND xã Đông Phong, H2ện Y Phong, tỉnh Bắc Ninh giáo dục, quản lý bị cáo trong thời gian Đ Hg án treo và thử thách.

Trong thời gian Hg án treo và thử thách, nếu người Đ Hg án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Hg án treo. Trong tr- ờng hợp ng- ời đ- ợc h- ởng án treo thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS.

Buộc các bị cáo Trần Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Công T, Lò Văn Th, Lò Quang Đ, Lò Văn T1, Lò Văn H1 , Đèo Đức H2 phải liên đới bồi thường cho ông Nh số tiền 4.500.000đồng và anh C số tiền 5.100.000đồng. Xác nhận các bị cáo H2, T, Trần Văn T1, Lò Văn T1, Đ, H1 , L đã nộp số tiền 7.490.000đồng để bồi thường đủ số tiền cho ông Nh và anh C. Số tiền còn lại là 2.110.000đồng. Buộc bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn H mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nh và anh C số tiền là 1.055.000đồng.

Tạm giữ số tiền mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp cho các bị cáo để trả cho người bị hại để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tich thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền 1.550.000đồng Hg đã tự nguyện giao nộp.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo Lò Văn H1 và Lò Văn Đ, Nguyễn Thụ Hg đã nộp án phí HSST. Bị cáo Lò Văn H và Lò Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 300.000đồng án phí DSST.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BN;
- VKSND H2ện Tiên Du
- Công an H2ện Tiên Du;
- Chi cục THA dân sự H2ện Tiên Du;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng